

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

Số: 05 /QĐ-VKSTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quy trình kiểm sát việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và kiểm sát việc tha tù trước thời hạn có điều kiện

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự và Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình kiểm sát xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và kiểm sát việc tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các Đ/c Phó Viện trưởng VKSNDTC;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, V8.



VIỆN TRƯỞNG

Lê Minh Trí

QUY ĐỊNH

**Về quy trình kiểm sát việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù
và kiểm sát việc tha tù trước thời hạn có điều kiện**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /QĐ - VKSTC ngày 18 tháng 01
năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quy trình kiểm sát việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và kiểm sát việc tha tù trước thời hạn có điều kiện, gồm:

1. Kiểm sát việc lập hồ sơ, kiểm sát việc xét, quyết định và thi hành quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.
2. Kiểm sát việc lập hồ sơ, kiểm sát việc xét, quyết định và thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp.
2. Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên của Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phân công trách nhiệm thực hiện kiểm sát

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.
2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hiện kiểm sát việc xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu.
3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hiện kiểm sát việc tổ chức công bố, thi hành quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, cấp quân khu và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hiện kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị xét đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

5. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hiện kiểm sát việc xét, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu.

6. Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền kiểm sát việc tổ chức công bố, thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú.

Điều 4. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Khi tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo về xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và tha tù trước thời hạn có điều kiện, Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo vào sổ theo dõi tiếp nhận, giải quyết đơn; phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nghiên cứu đơn.

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nghiên cứu nội dung phản ánh trong đơn, căn cứ vào thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, giáo dục người chấp hành án phạt tù của Viện trưởng Viện kiểm sát được quy định tại khoản 8 Điều 178 và điểm h khoản 1 Điều 192 Luật Thi hành án hình sự để báo cáo, đề xuất với Lãnh đạo đơn vị kịp thời xem xét, giải quyết theo quy định.

Đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Viện kiểm sát là đơn có nội dung phản ánh về quyết định, hành vi trái pháp luật, vi phạm pháp luật trong việc lập hồ sơ, xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; tha tù trước thời hạn có điều kiện của người được giao quản lý, giáo dục phạm nhân gồm chiến sĩ, cán bộ, lãnh đạo quản lý của trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ quan thi hành án hình sự.

3. Khiếu nại của Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự đối với kháng nghị của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 5 Điều 167 Luật Thi hành án hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Thời hạn giải quyết khiếu nại là 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải được thi hành.

Điều 5. Thực hiện quyền yêu cầu

1. Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hiện quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự tự kiểm tra việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, việc tha tù trước thời hạn có điều kiện và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Thi hành án hình sự; đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật; chấm dứt hành vi vi phạm trong việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện theo khoản 5 Điều 167 Luật Thi hành án hình sự.

2. Hình thức yêu cầu bằng văn bản ban hành kèm theo biểu mẫu tổ tụng về thi hành án hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

3. Viện kiểm sát có thẩm quyền theo dõi việc thực hiện yêu cầu theo khoản 1 Điều 169 Luật Thi hành án hình sự để tham mưu, đề xuất xử lý giải quyết và báo cáo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 8).

Điều 6. Thực hiện quyền kiến nghị

1. Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hiện quyền kiến nghị Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự, người có thẩm quyền và cá nhân có liên quan trong thi hành án hình sự đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật trong việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 167 Luật Thi hành án hình sự.

2. Hình thức kiến nghị bằng văn bản ban hành kèm theo biểu mẫu tổ tụng về thi hành án hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

3. Viện kiểm sát có thẩm quyền theo dõi việc thực hiện kiến nghị theo khoản 5 Điều 169 Luật Thi hành án hình sự để tham mưu, đề xuất xử lý giải quyết và báo cáo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 8).

Điều 7. Thực hiện quyền kháng nghị

1. Kháng nghị yêu cầu chấm dứt, khắc phục việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định hoặc chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật trong việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 167 Luật Thi hành án hình sự được thực hiện như sau:

a) Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hiện quyền kháng nghị Chánh án Tòa án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định hoặc chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật trong việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 167 Luật Thi hành án hình sự.

b) Hình thức kháng nghị bằng văn bản ban hành kèm theo biểu mẫu tổ tụng về thi hành án hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

c) Viện kiểm sát có thẩm quyền theo dõi việc thực hiện kháng nghị theo khoản 4 Điều 169 Luật Thi hành án hình sự để tham mưu, đề xuất xử lý giải quyết và báo cáo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 8).

2. Kháng nghị đối với các quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án mà vi phạm về điều kiện hoặc vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tổ tụng hình sự được quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật Thi hành án hình sự thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn kháng nghị thực hiện theo quy định tại các chương XXII, XXV và XXVI Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 8. Kiểm sát thành phần Hội đồng phiên họp

Khi tham gia phiên họp xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát về thành phần tham gia phiên họp theo quy định tại khoản 5 Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 3 Điều 38, khoản 4 Điều 65 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 9. Lập và lưu trữ hồ sơ kiểm sát

Viện kiểm sát có thẩm quyền có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ kiểm sát theo quy định tại Quy chế công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

1. Hồ sơ kiểm sát gồm các loại tài liệu sau:

a) Văn bản của Viện kiểm sát yêu cầu báo cáo kết quả lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hoặc tha tù trước thời hạn có điều kiện; Văn bản yêu cầu bổ sung danh sách đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hoặc tha tù trước thời hạn có điều kiện (nếu có).

b) Báo cáo của đơn vị được kiểm sát; Văn bản đề nghị của Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hoặc tha tù trước thời hạn có điều kiện; Văn bản của Hội đồng thẩm định và các tài liệu kèm theo.

c) Văn bản thể hiện quan điểm của Viện kiểm sát về việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, việc tha tù trước thời hạn có điều kiện.

d) Quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

đ) Thông báo mở phiên họp xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; xét tha tù trước thời hạn có điều kiện, xét hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; xét rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án.

e) Kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát (nếu có).

g) Biên bản phiên họp xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; xét tha tù trước thời hạn có điều kiện, xét hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; xét rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; Biên bản làm việc, các tài liệu liên quan đến vi phạm pháp luật, văn bản trao đổi, trả lời của cơ quan có thẩm quyền.

h) Phiếu kiểm sát (theo mẫu).

i) Đề xuất của Kiểm sát viên.

k) Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; Quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; Quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện; Quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; Quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; Quyết định không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

l) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải lập và bảo đảm chế độ lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Quy chế công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, hồ sơ kiểm sát phải được sắp xếp theo thứ tự và đánh số, có bảng kê tài liệu kèm theo. Việc quản lý, sử dụng, bảo quản, lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chương II QUY TRÌNH KIỂM SÁT VIỆC GIẢM THỜI HẠN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Điều 10. Kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù

1. Đối tượng, thời điểm kiểm sát:

a) Đối tượng kiểm sát: trại giam; trại tạm giam; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

b) Thời điểm kiểm sát: Thực hiện ngay sau khi Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án

hình sự cấp quân khu hoàn chỉnh hồ sơ, danh sách đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù do Chủ tịch Hội đồng ký để báo cáo đề nghị thẩm định trong từng đợt xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hằng năm (dịp 30/4; dịp 02/9 và dịp Tết nguyên đán hoặc đợt 22/12 đối với việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù trong quân đội).

2. Phương thức kiểm sát: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có thể áp dụng một hoặc kết hợp một số phương thức như yêu cầu cơ quan đã đề nghị tự kiểm tra việc xét, đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; trực tiếp gặp, hỏi; xác minh, thu thập tài liệu, yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan; trực tiếp kiểm sát hồ sơ xét, đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

3. Nội dung và trình tự thực hiện kiểm sát:

a) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu yêu cầu cơ quan đã đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thông báo hoặc báo cáo rõ việc lập hồ sơ xét, đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; một số nội dung cơ bản như sau:

Tổng số phạm nhân hiện có của cơ sở giam giữ phạm nhân, tổng số phạm nhân đủ điều kiện được xét, lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; trong đó, số phạm nhân đủ điều kiện nhưng Hội đồng xét giảm (hoặc Tiểu Hội đồng xét giảm) sau khi xét, không lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, lý do không đề nghị;

Số phạm nhân có đơn hoặc thân nhân phạm nhân có đơn đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù nhưng đơn vị không lập hồ sơ, đề nghị, lý do không đề nghị;

Khiếu nại, tố cáo có liên quan đến xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có).

b) Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công kiểm sát phải nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan và làm rõ các vấn đề:

Trình tự, thủ tục xét, lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có đúng quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án hình sự.

Xác định phạm nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng chưa được lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hoặc phạm nhân không đủ điều kiện nhưng được lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu có).

4. Trong quá trình kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, nếu phát hiện phạm nhân không đủ điều kiện xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì Viện kiểm sát kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án

hình sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án đưa ra khỏi danh sách đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù. Trường hợp phát hiện phạm nhân đủ điều kiện nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì Viện kiểm sát kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án lập hồ sơ, đưa vào danh sách đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

Điều 11. Nghiên cứu hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù

1. Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát việc gửi hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của cơ quan đề nghị theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 02/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tạm đình chỉ và giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

Ngay sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát vào sổ thụ lý (sổ tiếp nhận) và phân công một hoặc một số Kiểm sát viên, Kiểm tra viên do một Kiểm sát viên chủ trì thực hiện kiểm sát.

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công kiểm sát phải nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan và làm rõ các vấn đề:

a) Khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên chủ trì báo cáo, tham mưu cho lãnh đạo Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan đã đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù bổ sung tài liệu hoặc làm rõ thêm đối với trường hợp cần bổ sung tài liệu hoặc tài liệu chưa rõ. Việc gửi hồ sơ tài liệu phải đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 02/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tạm đình chỉ và giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

b) Xác định rõ phạm nhân nào đã được trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù nhưng cơ quan có thẩm quyền thẩm định không duyệt. Lý do không duyệt có đúng quy định của pháp luật hay không.

Trường hợp phát hiện có phạm nhân đủ điều kiện, Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền đã lập hồ sơ đề nghị nhưng cơ quan có thẩm quyền thẩm định không duyệt với lý do không đúng quy định của pháp luật thì Viện kiểm sát tiếp tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đưa vào danh sách đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho họ và báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 8), Viện kiểm sát quân sự trung ương (Phòng 4).

c) Xác định mức đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của

các phạm nhân có bảo đảm tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa, khách quan, công bằng và có tác dụng khuyến khích phạm nhân thi đua cải tạo tiến bộ.

d) Kiểm sát về khoảng cách giữa các lần xét giảm đối với từng phạm nhân phải đảm bảo mỗi năm chỉ được xét giảm một lần. Trường hợp đặc biệt được khoan hồng thêm như đã lập công, đã quá già yếu hoặc bị bệnh hiểm nghèo thì có thể được xét giảm tiếp nhưng không quá 02 lần trong 01 năm theo quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án hình sự.

3. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải báo cáo kết quả kiểm sát với lãnh đạo Viện kiểm sát, đề xuất xây dựng văn bản quan điểm của Viện kiểm sát về đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù để lãnh đạo Viện kiểm sát duyệt thể hiện rõ các nội dung cơ bản sau đây:

a) Đề nghị Tòa án cùng cấp chấp nhận toàn bộ mức đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với bao nhiêu phạm nhân (có danh sách kèm theo).

b) Đề nghị Tòa án cùng cấp chấp nhận một phần mức đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho bao nhiêu phạm nhân; mức giảm đối với từng phạm nhân và nêu rõ lý do.

c) Đề nghị Tòa án không chấp nhận đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án đối với từng phạm nhân; căn cứ không chấp nhận.

4. Trường hợp phạm nhân đã được đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù mà vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật trước khi có quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án, thì theo báo cáo của cơ quan có thẩm quyền đã đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Kiểm sát viên được phân công tham mưu, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để phối hợp với Tòa án cùng cấp loại phạm nhân đó ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

Điều 12. Tham gia phiên họp và kiểm sát việc xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án; kiểm sát việc hoãn phiên họp

1. Khi tham gia phiên họp, Kiểm sát viên được phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cùng cấp về thành phần Hội đồng, thời hạn mở phiên họp, trình tự, thủ tục và những vấn đề khác (nếu có).

b) Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và việc tuân theo pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền từ khi lập hồ sơ đề nghị và tại phiên họp xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

c) Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên xem biên bản phiên họp, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên họp (nếu có).

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát căn cứ và thời hạn hoãn phiên họp xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tạm đình chỉ và giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

Điều 13. Kiểm sát quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc Tòa án gửi quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho người chấp hành án, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan có liên quan đúng thời hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án hình sự, khoản 3 Điều 18 Thông tư liên tịch số 02/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tạm đình chỉ và giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

2. Viện kiểm sát kiểm sát về căn cứ, hình thức, nội dung quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đúng quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án hình sự; khoản 1 Điều 18 Thông tư liên tịch số 02/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tạm đình chỉ và giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; kiểm sát kết quả xét giảm tại phiên họp.

Nếu phát hiện vi phạm, Kiểm sát viên được phân công tham mưu lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị theo Điều 6 và Điều 7 Quy định này.

Điều 14. Thực hiện quyền kháng nghị theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Luật Thi hành án hình sự đối với quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án, cụ thể như sau:

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự quân khu, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương thực hiện

thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án quân sự cấp quân khu. Thời hạn kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu là 07 ngày; của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương là 15 ngày theo quy định tại Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nếu phát hiện quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án cùng cấp vi phạm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật nhưng đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm, Kiểm sát viên được phân công tham mưu lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh báo cáo ngay về Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu báo cáo ngay về Viện kiểm sát quân sự trung ương (Phòng 4) để kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo thẩm quyền, đồng thời, báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 8).

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định xem xét lại quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương khi có căn cứ quy định tại Điều 371 Bộ luật Tố tụng hình sự. Thời gian kháng nghị như sau:

a) Thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không có lợi cho người được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, người không được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù là không quá 01 năm kể từ ngày quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có hiệu lực pháp luật.

b) Thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng có lợi cho người được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, người không được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được tiến hành bất cứ lúc nào kể từ ngày quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có hiệu lực pháp luật.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm đối với quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án khi có căn cứ quy định tại Điều 398 Bộ luật Tố tụng hình sự. Thời hạn kháng nghị như sau:

a) Thời hạn kháng nghị tái thẩm theo hướng không có lợi cho người được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, người không được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù là không quá 01 năm kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được tin báo về tình tiết mới được phát hiện.

b) Thời hạn kháng nghị tái thẩm theo hướng có lợi cho người được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì không hạn chế về thời gian kể từ ngày quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có hiệu lực pháp luật.

Điều 15. Kiểm sát việc công bố và thi hành quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm sát việc trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại tạm giam cấp quân khu tổ chức công bố quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và khấu trừ thời gian giam vào thời hạn chấp hành án phạt tù cho phạm nhân.

2. Khi kiểm sát việc công bố và thi hành quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, cần tập trung kiểm sát việc giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại, việc trả tự do và thực hiện các chế độ cho phạm nhân.

3. Quyết định giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại cho phạm nhân được thi hành ngay nên khi tiến hành kiểm sát cần lưu ý việc trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự phải trả tự do ngay sau khi công bố quyết định và thực hiện các chế độ đối với họ theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III

QUY TRÌNH KIỂM SÁT VIỆC THA TÙ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN

Mục 1

Kiểm sát lập hồ sơ xét, đề nghị, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

Điều 16. Kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Đối tượng, thời điểm kiểm sát:

a) Đối tượng kiểm sát: trại giam; trại tạm giam; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

b) Thời điểm kiểm sát: Thực hiện ngay sau khi Hội đồng xét, đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện họp, hoàn chỉnh hồ sơ, danh sách đề nghị

tha tù trước thời hạn có điều kiện do Chủ tịch Hội đồng ký để báo cáo đề nghị thẩm định trong từng đợt tha tù trước thời hạn có điều kiện hằng năm (đợt kết thúc Quý I; đợt kết thúc Quý II và đợt kết thúc năm).

2. Phương thức kiểm sát: Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể áp dụng một hoặc kết hợp một số phương thức như yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tự kiểm tra việc xét, đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; trực tiếp gặp, hỏi; xác minh, thu thập tài liệu, yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan và trực tiếp kiểm sát hồ sơ xét, đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3. Nội dung và trình tự thực hiện kiểm sát

a) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu yêu cầu cơ quan đã đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện thông báo hoặc báo cáo rõ việc lập hồ sơ xét, đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện; một số nội dung cơ bản như sau: Tổng số phạm nhân hiện có, tổng số phạm nhân đủ điều kiện được xét, lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện; trong đó, số phạm nhân đủ điều kiện nhưng sau khi xét, không lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện, lý do không đề nghị.

Số phạm nhân có đơn hoặc thân nhân phạm nhân có đơn đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng đơn vị không lập hồ sơ, đề nghị, lý do không đề nghị.

Khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xét tha tù trước thời hạn có điều kiện và việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có).

b) Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công kiểm sát phải nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan và làm rõ các vấn đề: Trình tự, thủ tục xét, lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện có đúng quy định tại Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 58 Luật Thi hành án hình sự, các điều 4, 5, 6 và 7 Thông tư liên tịch số 04/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/02/2018 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về phối hợp thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Xác định có hay không có phạm nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng chưa được lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện; nếu có thì xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

4. Trong quá trình kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện, nếu phát hiện phạm nhân không đủ điều kiện tha tù trước thời hạn có điều kiện thì Viện kiểm sát kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu đưa ra khỏi danh sách; trường hợp phát hiện phạm nhân đủ điều kiện nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện thì Viện kiểm sát kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự

Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ, đưa vào danh sách đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 17. Nghiên cứu hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Ngay sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện, Viện kiểm sát vào sổ thụ lý (sổ tiếp nhận) và phân công một hoặc một số Kiểm sát viên, Kiểm tra viên do một Kiểm sát viên chủ trì thực hiện kiểm sát.

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công kiểm sát nghiên cứu hồ sơ, tài liệu để làm rõ các nội dung sau:

a) Phạm nhân được đề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện phải đủ các điều kiện quy định tại Điều 66 và Điều 106 Bộ luật Hình sự, các điều 2, 3 và 4 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật Hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

b) Hồ sơ đề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện phải đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về phối hợp thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tha tù trước thời hạn có điều kiện. Trường hợp cần làm rõ, bổ sung tài liệu thì Kiểm sát viên chủ trì báo cáo, tham mưu lãnh đạo Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan đã đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện.

c) Xác định phạm nhân đã được trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại giam, trại tạm giam thuộc quân khu; cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ, danh sách đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng cơ quan có thẩm quyền thẩm định không duyệt, căn cứ không duyệt có đúng quy định pháp luật.

Trường hợp phạm nhân đủ điều kiện, Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng cơ quan có thẩm quyền không lập hồ sơ hoặc đã lập hồ sơ nhưng cơ quan có thẩm quyền thẩm định không duyệt mà căn cứ không đúng quy định pháp luật thì Viện kiểm sát tiếp tục yêu cầu lập hồ sơ, đưa vào danh sách đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện, đồng thời báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 8), Viện kiểm sát quân sự trung ương (Phòng 4).

3. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải báo cáo kết quả kiểm sát với lãnh đạo Viện kiểm sát, đề xuất xây dựng văn bản nêu rõ quan điểm của Viện kiểm sát về đề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện để lãnh đạo Viện kiểm sát duyệt thể hiện rõ các nội dung cơ bản sau đây:

a) Đề nghị Tòa án cùng cấp chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện cho từng phạm nhân.

b) Đề nghị Tòa án không chấp nhận đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện cho từng phạm nhân; căn cứ không chấp nhận.

Trường hợp xét thấy việc tha tù trước thời hạn đối với phạm nhân ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là đối với các trường hợp phạm tội về ma túy, tham nhũng, phạm tội có tổ chức; các đối tượng chủ mưu, cầm đầu, ngoan cố, chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm thì đề nghị Tòa án không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp phạm nhân đã được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật trước khi có quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án, thì theo báo cáo của cơ quan có thẩm quyền đã đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện, Kiểm sát viên được phân công tham mưu, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để phối hợp với Tòa án cùng cấp loại phạm nhân đó ra khỏi danh sách xét tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 18. Tham gia phiên họp và kiểm sát việc xét, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu phải ra văn bản thể hiện quan điểm về việc đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan đề nghị.

2. Khi tham gia phiên họp, Kiểm sát viên được phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Kiểm sát về sự tuân theo pháp luật trong việc xét tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án cùng cấp về thành phần Hội đồng, thời hạn mở phiên họp.

b) Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về đề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện và việc tuân theo pháp luật của cơ quan có thẩm quyền từ khi lập hồ sơ đề nghị và tại phiên họp xét, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

c) Kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên phải kiểm tra Biên bản phiên họp để xác định tính có căn cứ về nội dung, diễn biến phiên họp và quyết định của Hội đồng về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với từng phạm nhân. Yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung (nếu có) vào Biên bản phiên họp.

Điều 19. Kiểm sát quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc gửi quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án cho phạm nhân, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có thẩm quyền, Viện kiểm sát quân sự trung ương, cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở theo đúng quy định tại khoản 8 Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Viện kiểm sát kiểm sát về căn cứ, hình thức, nội dung quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện theo đúng quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự và kết quả xét tha tù trước thời hạn có điều kiện tại phiên họp.

Nếu phát hiện vi phạm, Kiểm sát viên được phân công tham mưu lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị theo Điều 6 và Điều 7 Quy định này.

Điều 20. Thực hiện quyền kháng nghị theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Luật Thi hành án hình sự đối với quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án, cụ thể như sau:

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Thời hạn kháng nghị đối với quyết định tha tù (hoặc quyết định không chấp nhận tha tù) trước thời hạn có điều kiện của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu là 07 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương là 15 ngày theo quy định tại Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nếu phát hiện quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án cùng cấp vi phạm pháp luật, nhưng đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm, Kiểm sát viên được phân công tham mưu cho lãnh đạo Viện kiểm sát báo cáo Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm để giải quyết theo thẩm quyền; đồng thời, báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 8), Viện kiểm sát quân sự trung ương (Phòng 4).

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện (hoặc quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện) của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định xét lại các quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện của

Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương khi có căn cứ quy định tại Điều 371 Bộ luật Tố tụng hình sự. Thời hạn kháng nghị như sau:

a) Thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không có lợi cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người không được tha tù trước thời hạn có điều kiện là không quá 01 năm kể từ ngày quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện có hiệu lực pháp luật.

b) Thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng có lợi cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người không được tha tù trước thời hạn có điều kiện được tiến hành bất cứ lúc nào kể từ ngày quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện có hiệu lực pháp luật.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm đối với quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án khi có căn cứ quy định tại Điều 398 Bộ luật Tố tụng hình sự.

a) Thời hạn kháng nghị tái thẩm theo hướng không có lợi cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện là không quá 01 năm kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được tin báo về tình tiết mới được phát hiện.

b) Thời hạn kháng nghị tái thẩm theo hướng có lợi cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thì không hạn chế về thời gian kể từ ngày quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện có hiệu lực pháp luật.

Điều 21. Kiểm sát việc công bố, cấp giấy chứng nhận và bàn giao hồ sơ tha tù trước hạn có điều kiện

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm sát việc niêm yết danh sách (công bố) người được tha tù trước hạn có điều kiện tại trại giam, trại tạm giam; Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kiểm sát việc niêm yết danh sách (công bố) người được tha tù trước hạn có điều kiện của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tại cơ sở giam giữ phạm nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kiểm sát thời hạn cấp giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện và tha phạm nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự. Ngay sau khi quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện có hiệu lực (sau 15 ngày kể từ ngày ra quyết định) trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải cấp giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện và tha phạm nhân.

3. Khi tiến hành kiểm sát việc cấp giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện và tha phạm nhân cần lưu ý việc trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải trả tự do ngay sau khi công bố quyết định và thực hiện các chế độ đối với họ theo đúng quy định của pháp luật (cấp tiền tàu xe, quần áo và các chế độ... như đối với phạm nhân chấp hành xong án phạt tù).

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kiểm sát việc bàn giao hồ sơ phạm nhân giữa trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an nơi phạm nhân được cấp giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự.

5. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thực hiện việc thông báo và sao gửi quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định rút ngắn thời gian thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về Viện kiểm sát có thẩm quyền theo quy định tại Quy chế Công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự để kiểm sát việc thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và kiểm sát việc cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù theo quy định.

Mục 2

Kiểm sát thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

Điều 22. Kiểm sát thủ tục tiếp nhận, bàn giao, lập và quản lý hồ sơ của cơ quan thi hành án hình sự

1. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận thông báo việc phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện và bản sao quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện do Viện kiểm sát có thẩm quyền chuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền vào sổ thụ lý và lập hồ sơ kiểm sát đồng thời thực hiện việc thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu biết. Trường hợp qua rà soát thấy cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đã tiếp nhận quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền chưa nhận được thông báo và bản sao quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện do Viện kiểm sát có thẩm quyền chuyển đến thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền nơi người tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú vẫn

thực hiện việc thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu biết.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc tiếp nhận, bàn giao, lập và quản lý hồ sơ người được tha tù trước thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự và Điều 8 Thông tư số 12/2018/TT-BCA ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Công an nhân dân, gồm những nội dung sau:

- a) Việc vào sổ theo dõi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.
- b) Quyết định phân công cán bộ theo dõi, quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.
- c) Việc lập hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Thi hành án hình sự.
- d) Việc bàn giao hồ sơ tha tù trước thời hạn có điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội để tổ chức quản lý, giám sát.

Điều 23. Kiểm sát việc tiếp nhận hồ sơ, tổ chức quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội

Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có thẩm quyền kiểm sát việc tiếp nhận, tổ chức quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội. Gồm:

1. Kiểm sát về thủ tục tiếp nhận hồ sơ như: Biên bản giao nhận hồ sơ người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, Quyết định phân công cán bộ để quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đảm bảo đúng đối tượng và thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Thi hành án hình sự; Điều 9 Thông tư số 12/2018/TT-BCA ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Công an nhân dân.

2. Kiểm sát việc triệu tập người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội để làm thủ tục thi hành án và cam kết việc chấp hành nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự và tại Điều 10 Thông tư số 12/2018/TT-BCA ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Công an nhân dân.

3. Kiểm sát việc Công an cấp xã giải quyết thủ tục quản lý cư trú đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 12/2018/TT-BCA ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Công an nhân dân.

4. Kiểm sát việc báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về kết quả việc trình diện và cam kết việc chấp hành nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 24. Kiểm sát thời hạn trình diện, nhận xét báo cáo và bổ sung hồ sơ quản lý giám sát đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Kiểm sát về thời hạn người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trình diện và cam kết chấp hành nghĩa vụ với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự.

2. Kiểm sát việc Công an cấp xã, đơn vị quân đội lập biên bản vi phạm nghĩa vụ đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không chấp hành đúng thời hạn trình diện để cam kết chấp hành nghĩa vụ.

3. Kiểm sát việc thực hiện nhận xét, báo cáo chấp hành nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bảo đảm đúng thời hạn, hình thức, nội dung và thời gian nhận xét theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 65/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

4. Kiểm sát việc bổ sung tài liệu vào hồ sơ quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Thi hành án hình sự.

5. Kiểm sát việc Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện tìm việc làm cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 25. Kiểm sát việc kiểm điểm, xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Kiểm sát việc tổ chức kiểm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ lần đầu hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính lần đầu.

Việc tổ chức kiểm điểm đảm bảo đúng thành phần, nội dung, địa điểm và việc kiểm điểm phải lập thành biên bản lưu hồ sơ theo đúng quy định tại Điều 66 Luật Thi hành án hình sự và khoản 6 Điều 13 Thông tư số 65/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không có mặt theo yêu cầu triệu tập thì vẫn tiến hành kiểm điểm và lập biên bản cuộc họp.

2. Kiểm sát việc xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có ý vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính. Khi kiểm sát cần lưu ý kiểm sát về trình tự, thủ tục xử lý người được tha tù trước thời hạn

có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ của Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự như sau:

a) Đối với Công an cấp xã, đơn vị quân đội:

Việc lập biên bản vi phạm đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ lần thứ nhất.

Việc lập biên bản vi phạm nghĩa vụ lần thứ 02 và việc Công an cấp xã, đơn vị quân đội báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đối với trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ lần thứ hai.

Việc Công an cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, việc đơn vị quân đội báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đối với trường hợp người được tha tù trước hạn có điều kiện vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính hai lần trở lên.

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã:

Kiểm sát thời hạn làm văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

c) Đối với cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu:

Kiểm sát thời hạn tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 26. Kiểm sát thủ tục giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Kiểm sát đơn xin vắng mặt tại nơi cư trú của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải đảm bảo về nội dung như: Đơn phải nêu rõ lý do, thời gian vắng mặt, địa điểm nơi đến, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận của cơ sở y tế đó theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Thi hành án hình sự.

2. Kiểm sát thẩm quyền quyết định giải quyết đơn xin vắng mặt tại nơi cư trú của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải đảm bảo đúng quy định như: Vắng mặt 01 ngày phải được sự đồng ý của người giám sát, giáo dục và chỉ huy đơn vị quân đội quyết định; vắng mặt từ 03 ngày trở lên do Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý quyết định.

3. Kiểm sát việc nhận xét việc chấp hành pháp luật trong thời gian tạm trú của Công an cấp xã nơi tạm trú (đối với trường hợp vắng mặt từ 03 ngày trở lên; việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật trong thời gian tạm trú, lưu trú).

Điều 27. Kiểm sát thủ tục giải quyết thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Kiểm sát về điều kiện, thời hạn giải quyết đơn xin thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi

hành án hình sự cấp quân khu bảo đảm đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

2. Kiểm sát về thủ tục xem xét giải quyết đơn xin thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc đảm bảo đúng trình tự, thủ tục; thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

3. Việc bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc phải đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 64/2019/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú và đối với đơn vị quân đội thực hiện theo Thông tư số 181/TT-BQP ngày 03/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ do quân đội quản lý, thi hành thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc.

Điều 28. Kiểm sát thủ tục giải quyết đối với trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện chết

1. Kiểm sát việc thông báo và bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chết cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội.

2. Kiểm sát thời hạn thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án biết về việc người được tha tù trước hạn có điều kiện đã chết của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu theo quy định tại khoản 5 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự, Điều 14 Thông tư số 65/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

3. Kiểm sát về thời hạn ra và nơi gửi quyết định đình chỉ thi hành án của Tòa án đã ra quyết định thi hành án.

Điều 29. Kiểm sát thủ tục cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội: Kiểm sát thời hạn bàn giao hồ sơ quản lý cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù khi kết thúc thời gian thử thách. Việc bàn giao hồ sơ phải được lập thành biên bản và lưu hồ sơ phạm nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Thi hành án hình sự.

2. Đối với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu: Kiểm sát về thẩm quyền, thời hạn và việc gửi giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Thi hành án hình sự.

Mục 3

Kiểm sát việc rút ngắn thời gian thử thách, việc hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

Điều 30. Kiểm sát việc lập hồ sơ xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang cư trú, được giao quản lý có thẩm quyền kiểm sát hoặc phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hiện kiểm sát một số nội dung trong việc xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước hạn có điều kiện. Nội dung kiểm sát gồm:

1. Về thời điểm kiểm sát: Từ khi Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát, lập hồ sơ đề nghị đến khi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện xem xét, quyết định. Lưu ý về thời điểm rà soát, lập hồ sơ xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách được thực hiện cùng thời điểm với việc rà soát, lập hồ sơ xét, đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện (03 đợt/năm, sau khi hoàn thành việc đánh giá xếp loại chấp hành án phạt tù cho phạm nhân Quý I, 6 tháng, năm).

2. Về phương thức kiểm sát: Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể áp dụng một hoặc kết hợp một số phương thức như yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thuộc thẩm quyền kiểm sát tự kiểm tra việc xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách tha tù trước hạn có điều kiện và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; trực tiếp gặp, hỏi; xác minh, thu thập tài liệu, yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan và trực tiếp kiểm sát hồ sơ xét, đề nghị xét rút ngắn thời gian thử thách tha tù trước hạn có điều kiện.

3. Về nội dung và trình tự thực hiện kiểm sát:

a) Kiểm sát việc thực hiện rà soát, lập hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội có cùng thời điểm với việc rà soát, lập hồ sơ xét, đề nghị tha tù trước thời hạn hay không. Việc lập hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có đúng trình tự, thủ tục hay không.

Kiểm sát về điều kiện để được xem xét đề nghị rút ngắn thời gian thử thách phải đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Thi hành án hình sự và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật Hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Việc lập hồ sơ phải đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hưởng án treo.

b) Kiểm sát về thời hạn xem xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 Luật thi hành án hình sự.

c) Kiểm sát thời hạn cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước hạn có điều kiện về cư trú, làm việc xem xét, có văn bản, hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có thẩm quyền để thực hiện chức năng kiểm sát theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp cần phải bổ sung tài liệu hoặc tài liệu chưa rõ thì yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự bổ sung hoặc làm rõ thêm. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, cơ quan đề nghị phải gửi tài liệu bổ sung hoặc làm rõ thêm cho Tòa án và Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án.

Khi thực hiện chức năng kiểm sát việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, Viện kiểm sát có thẩm quyền phát hiện người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đủ điều kiện rút ngắn thời gian thử thách nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì Viện kiểm sát kháng nghị, kiến nghị yêu cầu cơ quan đó lập hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách cho họ.

d) Kiểm sát về thời hạn thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật Thi hành án hình sự.

đ) Trên cơ sở kiểm sát hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm sát viên phải báo cáo kết quả kiểm sát với lãnh đạo Viện kiểm sát, đề xuất xây dựng văn bản quan điểm của Viện kiểm sát về đề nghị xét rút ngắn thời gian thử thách để lãnh đạo Viện kiểm sát duyệt thể hiện rõ các nội dung cơ bản sau đây:

Đề nghị Tòa án cùng cấp chấp nhận toàn bộ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách cho bao nhiêu người.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận đề nghị rút ngắn thời gian thử thách cho bao nhiêu người, lý do không chấp nhận đối với từng người.

Để bảo đảm tính nhân đạo, khách quan, công bằng và có tác dụng khuyến khích người chấp hành án chấp hành tốt pháp luật và nghĩa vụ của người chấp hành án, đề nghị Tòa án cùng cấp xem xét thận trọng, cân nhắc về mức rút ngắn thời gian thử thách để chấp nhận một phần mức đề nghị cho bao nhiêu người; mức đề nghị chấp nhận đối với từng người.

Trường hợp thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện còn lại dưới 03 tháng thì đề nghị Tòa án quyết định rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

Điều 31. Tham gia phiên họp và kiểm sát việc xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách của Tòa án

Khi tham gia phiên họp, Kiểm sát viên được phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1. Kiểm sát về sự tuân theo pháp luật trong việc họp xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án cùng cấp có đúng quy định của pháp luật về thành phần Hội đồng, thời hạn mở phiên họp, trình tự, thủ tục, và những vấn đề khác (nếu có).

2. Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc chấp nhận hay không chấp nhận đề nghị rút ngắn; mức rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và thời gian thử thách của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

3. Kết thúc phiên họp Kiểm sát viên phải kiểm tra Biên bản phiên họp để xác định tính có căn cứ về nội dung, diễn biến phiên họp và quyết định của Hội đồng về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, đối với từng trường hợp. Yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung (nếu có) vào Biên bản phiên họp.

Điều 32. Kiểm sát quyết định về việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Viện kiểm sát kiểm sát thời hạn gửi quyết định về việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Luật Thi hành án hình sự.

2. Viện kiểm sát kiểm sát về căn cứ, hình thức, nội dung quyết định về việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án có đúng quy định của pháp luật và kết quả xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách tại phiên họp.

3. Nếu phát hiện vi phạm, Kiểm sát viên được phân công tham mưu cho lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Sau khi nhận Quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, trong thời hạn 03 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu phải thực hiện việc sao gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú hoặc Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền biết để kiểm sát theo quy định tại Quy chế công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Điều 33. Kiểm sát việc công bố và thi hành quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc thi hành quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định phối hợp trong thực hiện trình tự, thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hưởng án treo. Nội dung kiểm sát gồm:

1. Kiểm sát việc công bố quyết định của Tòa án về việc xem xét rút ngắn thời gian thử thách đối cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và việc lưu hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Kiểm sát về thủ tục cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù đối với trường hợp được rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Điều 34. Kiểm sát về trình tự lập hồ sơ đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện có thẩm quyền kiểm sát về trình tự lập hồ sơ đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó. Kiểm sát viên được phân công cần lưu ý kiểm sát những nội dung sau:

1. Kiểm sát thời hạn tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Kiểm sát việc lập hồ sơ phải đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Thi hành án hình sự. Lưu ý các tài liệu chứng minh về hành vi cố ý vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách phải đảm bảo tính có căn cứ (kèm theo biên bản vi phạm nghĩa vụ lần thứ nhất và quyết định xử phạt vi phạm hành chính lần đầu là biên bản họp kiểm điểm tại cộng đồng dân cư nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú) theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Thi hành án hình sự.

Khi nghiên cứu hồ sơ, phát hiện tài liệu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đảm bảo tính có căn cứ, Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Viện để tiến hành xác minh làm rõ hoặc ban hành văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu báo cáo, bổ sung tài liệu. Trường hợp khác địa bàn hành chính, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu phối hợp thực hiện việc xác minh, yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu báo cáo, bổ sung tài liệu.

Điều 35. Kiểm sát việc xét, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

Kiểm sát việc xét, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án cùng cấp theo đúng quy định tại khoản 10 Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 71 Luật Thi hành án hình sự. Kiểm sát viên được phân công cần lưu ý kiểm sát những nội dung sau:

1. Kiểm sát thời hạn mở phiên họp xét, quyết định của Tòa án.
2. Kiểm sát việc xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị hủy bỏ quyết định tha tù trước hạn phải bảo đảm tính có căn cứ, đúng pháp luật.
3. Kiểm sát việc gửi quyết định hủy hoặc quyết định không chấp nhận hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện phải đảm bảo về nội dung và hình thức, nơi gửi phải đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khi kiểm sát nếu phát hiện vi phạm của Tòa án trong việc chấp nhận hoặc không chấp nhận hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thì Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất với lãnh đạo Viện để thực hiện quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Sau khi nhận được quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án, trong thời hạn 03 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện việc sao gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú biết để kiểm sát theo

quy định tại Quy chế công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Điều 36. Kiểm sát việc thi hành quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, làm việc kiểm sát cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong việc thi hành quyết định hủy quyết định tha tù trước hạn có điều kiện. Nội dung kiểm sát gồm:

1. Kiểm sát về thời hạn thông báo cho người bị hủy quyết định tha tù trước hạn có điều kiện đến cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để làm thủ tục đưa người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có quyết định hủy quyết định tha tù trước hạn có điều kiện đi chấp hành phần hình phạt tù còn lại theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Thi hành án hình sự.

2. Kiểm sát việc áp giải, việc đề nghị cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định truy nã khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã có quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện quá thời hạn phải có mặt, không tự nguyện đi chấp hành án hoặc bỏ trốn theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Thi hành án hình sự.

3. Quá trình kiểm sát phát hiện cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chậm thông báo cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã có quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đến cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để làm thủ tục đi chấp hành phần hình phạt tù còn lại, không áp giải khi đã quá thời hạn tự nguyện đi chấp hành án hoặc bỏ trốn thì Viện kiểm sát thực hiện quyền yêu cầu thông báo, yêu cầu áp giải người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã có quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đi chấp hành án hoặc yêu cầu làm thủ tục truy nã khi người đó bỏ trốn.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Những nội dung liên quan được quy định tại Quy chế công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự mà Quy định này quy định cụ thể, chi tiết hơn thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát

quân sự trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quy định này.

2. Vụ 8 Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tham mưu, giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trong toàn Ngành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung thì các đơn vị, Viện kiểm sát các cấp báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ 8), Viện kiểm sát quân sự trung ương (qua Phòng 4) để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung kịp thời./.